TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71/2026/QĐST-HNGĐ	*Khánh Hòa, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 284/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Hàng Đức L, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số A N, tổ dân phố C, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số D Đ, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M (Nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2014. Quá trình chung sống đến năm 2023 vợ chồng ông L và bà L1 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không sống chung với nhau từ lúc mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 không đồng ý trở về chung sống với nhau, ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 xác nhận có 01 con chung Hàng Hạo L2, sinh ngày 24/10/2014. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận: Ông Hàng Đức L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hàng Hạo L2; Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do ông Hàng Đức L không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1, mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đồng ý giao con chung Hàng Hạo L2, sinh ngày 24/10/2014 cho ông Hàng Đức L trực tiếp nuôi dưỡng; Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do ông Hàng Đức L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1, mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004795 ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Hàng Đức L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Mỹ Hương
(Nay là UBND phường Phan Rang)
(GCNKH số 21, quyển số 02/2014 ngày 19/5/2014);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đường Nguyễn Thanh Thảo